

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền
2. Ông Đặng Khải Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 587/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Bội C, sinh năm: 1974

Địa chỉ thường trú: 308 Phạm Văn Chí, Phường 4, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: 77/15 Cao Văn Lầu, Phường 1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/12/2022)

2. Bị đơn: Ông Lý Quý L, sinh năm: 1971

Địa chỉ thường trú: 308 Phạm Văn Chí, Phường 4, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt theo đơn xin vắng mặt ngày 30/11/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 30/08/2022, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Bội C trình bày: bà và ông Lý Quý L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn

theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số 01/2005, đăng ký ngày 29/4/2005 tại UBND Phường X, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống chung bình thường, hay tranh cãi do vợ chồng khắc khẩu với nhau, nhưng cũng không phải là mâu thuẫn lớn. Đến khoảng năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không đi làm, không phụ giúp gia đình còn thường xuyên gây sự, mỗi lần cãi nhau là đập phá đồ đạc trong nhà, đánh con, chửi bới. Đến năm 2018, bà C làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, ông L không phụ giúp mà còn thường hay say xỉn, về đánh đập vợ con. Sự việc kéo dài đến tháng 7/2022, do không chịu đựng được nữa nên bà C đã dẫn các con đi thuê nhà ở nơi khác sinh sống, không còn sống chung với ông L cho đến nay.

Nay bà C xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Bội C yêu cầu ly hôn với ông Lý Quý L.
- Về con chung: bà C trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 03 con chung tên Lý Diệu N (nam) sinh ngày 25/12/2005, Lý Ngọc L (nữ) sinh ngày 28/5/2008 và Lý Ngọc C (nữ) sinh ngày 28/5/2008, bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: bà C khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lý Quý L đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông không đến Tòa làm việc. Khi Tòa án tiến hành tổng đạt tại nơi cư trú thì ông L trình bày: vợ chồng ông không hợp nhau, hay cãi nhau, đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, hết tình cảm vợ chồng. Ông L đồng ý ly hôn, đồng ý giao cả 03 con chung cho bà C nuôi, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Ông L trình bày vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lý Quý L, xác minh tình trạng hôn nhân của bà C và ông L tại địa phương, nơi ông L và bà C sinh sống, thu thập nguyện vọng của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, cho bà C được ly hôn với ông L; Về con chung: giao 03 con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết; Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2005, đăng ký ngày 29/4/2005 tại UBND Phường X, Quận A, TP. Hồ Chí Minh thì bà Trần Bội C và ông Lý Quý L có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà C có đơn xin ly hôn với ông L cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà C thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do ông L không phụ giúp bà về kinh tế gia đình, cũng như công việc trong gia đình, bên cạnh đó, ông L còn hay gây sự, chửi bới, đập phá đồ đạc, khi say xỉn còn đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2008, đến năm 2018 thì càng trầm trọng hơn. Từ tháng 7 năm 2020, bà đã đưa ba con chung chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống cho đến nay. Bà C xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông L đến Tòa để ghi nhận ý kiến của ông L và tham gia tố tụng nhưng ông L không đến Tòa làm việc, cũng đã trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn. Tòa án cũng đã triệu tập ông L đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên Tòa nhưng ông L đều vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của bà C và ông L thì giữa bà C và ông L đã không còn sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, bà C xác định không còn tình cảm với ông L, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; ông L cũng xác định giữa ông bà không còn tình cảm, cũng đồng ý ly hôn với bà C. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả ông L và bà C đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông L không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông L đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà C và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà C được ly hôn với ông L là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà C và ông L có 03 con chung tên Lý Diệu N (nam) sinh ngày 25/12/2005, Lý Ngọc L (nữ) sinh ngày 28/5/2008 và Lý Ngọc C (nữ) sinh ngày 28/5/2008, bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Trong bản tự khai của mình, ông L đồng ý giao cả 03 con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cả 03 con chung của ông bà cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp ý kiến của các bên và với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông L khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Bội C nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bội C được ly hôn với ông Lý Quý L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2005, đăng ký ngày 29/4/2005 tại UBND Phường X, Quận A, TP. Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà C và ông L có 03 con chung tên Lý Diệu N (nam) sinh ngày 25/12/2005, Lý Ngọc L (nữ) sinh ngày 28/5/2008 và Lý Ngọc C (nữ) sinh ngày 28/5/2008, giao cả 03 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lý Quý L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Trần Bội C có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông L đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà C và ông L khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Bội C nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012548 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường X, Quận A, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)
Cao Thị Hồng Nga